

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 6 – 2021

*“Về việc ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đồng;
2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Mỹ H, sinh năm: 1992; địa chỉ: thôn 8, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức H, sinh năm: 1990; địa chỉ: xóm 2, thôn 6, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt, đã có lời khai xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. *Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Dương Thị Mỹ H và anh Nguyễn Đức H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 2018. Thời gian đầu vợ chồng sống chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ

chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ, cãi nhau, anh H không quan tâm, chăm lo cho vợ con và gia đình; mặc dù chị H đã nhiều lần tìm cách níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay; trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không liên lạc hay gặp nhau. Hiện nay chị H không còn yêu thương anh H, không muốn tiếp tục chung sống với anh H nên chị H yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung*: Chị H và anh H có 01 người con chung là Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/12/2020, hiện nay đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng người con chung này cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2]. *Theo biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức H trình bày*:

- *Về quan hôn nhân*: Anh H và chị H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 05/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ trong khoảng thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Do chị H có tính gia trưởng, muốn quyết định tất cả các vấn đề trong gia đình và buộc anh H phải phục tùng mà không tôn trọng ý kiến của anh H nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau. Đến khoảng tháng 7/2020, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay; trong thời gian sống ly thân, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau nhưng chỉ vì mục đích thăm nom con chứ không gặp nhau cũng không còn quan tâm, chia sẻ cho nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên anh H đồng ý ly hôn với chị H.

- *Về con chung*: Anh H và chị H có 01 người con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/12/2020, hiện đang sống với chị H. Anh H đồng ý giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng người con chung này cho đến khi thành niên; anh H không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H không có yêu cầu gì trong vụ án.

[3]. *Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án*:

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy khai sinh số 08 của UBND xã M (bản sao); 01 giấy chứng nhận kết hôn số 119 xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận (bản chính).

[4]. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T*:

- *Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Mỹ H: Xử cho chị Dương Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Đức H; giao cho chị H có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục người con tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/12/2020 cho đến khi thành niên; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không giải quyết, xét xử; về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Đức H vắng mặt, đã có lời khai xin xét xử vắng mặt, đồng thời Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ anh H tham gia phiên tòa lần thứ 2. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H, yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con, ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật.

Tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H:

[3.1]. Về yêu cầu giải quyết ly hôn, hội đồng xét xử nhận định:

Chị Dương Thị Mỹ H và anh Nguyễn Đức H đều khẳng định chị H, anh H tự nguyện kết hôn, không có ai ép buộc. Chị H cũng đã cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn số 119 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ thể hiện chị H, anh H đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 05/11/2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh H là hợp pháp. Vì vậy, chị H có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H khẳng định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và sống ly

thân cho đến nay; trong thời gian ly thân, vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng mục đích chỉ để thăm nom con chung chứ không gặp nhau cũng không còn quan tâm, chia sẻ cho nhau; chị H và anh H đều nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh H không đến tham gia phiên hòa giải và đều có ý kiến xin giải quyết vắng mặt, điều này cho thấy chị H, anh H không có nguyện vọng được đoàn tụ. Từ những căn cứ này cho thấy vợ chồng chị H, anh H đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu giải quyết cho chị H được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[3.2]. Về yêu cầu giải quyết việc nuôi con, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Dương Thị Mỹ H và anh Nguyễn Đức H khẳng định chị H, anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/12/2020; chị H cũng đã cung cấp được Giấy khai sinh số 08 của Ủy ban nhân dân xã M (bản sao) để chứng minh nên có đủ cơ sở xác định chị H, anh H có 01 người con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/12/2020. Xét thấy: Hiện nay cháu Ngọc chưa đủ 03 tuổi, hơn nữa cháu Ngọc đã sống với chị H từ khi sinh ra cho đến nay. Do đó, chị H yêu cầu giải quyết cho chị H được quyền nuôi dưỡng cháu Ngọc là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Ngọc, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị Mỹ H không yêu cầu anh Nguyễn Đức H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét xử, giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí:

Cần buộc chị Dương Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 điều 147; các Điều 227, 228, 235, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Mỹ H:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Mỹ H được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

Về con chung: Giao cho chị Dương Thị Mỹ H có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Nguyễn Khánh N, sinh ngày 13/12/2020 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chị H nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Dương Thị Mỹ H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004662 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi khấu trừ, chị Dương Thị Mỹ H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện Đ;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Khánh